

Sở GD&ĐT TP Đà Nẵng

Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển

Tổ: Ngữ văn, KHBD khối 11

GV: Trần Hoa Phượng

Ngày soạn: 15/11/2025

Ngày dạy: Tuần 16,17,18,19(Tiết 44-54, T48,49-50,51-Ôn, Kiểm tra, Trả bài CK1)

BÀI 5: NHÂN VẬT VÀ XUNG ĐỘT TRONG BI KỊCH

Thời gian thực hiện: 8 tiết

(Đọc: 4 tiết, Viết: 2 tiết, Nói và nghe: 2 tiết)

A. MỤC TIÊU CHUNG

1. Về kiến thức:

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của bi kịch như: xung đột, hành động, lời thoại, nhân vật, cốt truyện, hiệu ứng thanh lọc.
- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.

2. Về năng lực:

- Viết được báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội; biết sử dụng các thao tác cơ bản của việc nghiên cứu; biết trích dẫn, cước chú, lập danh mục tài liệu tham khảo và sử dụng các phương tiện hỗ trợ phù hợp.
- Trình bày được báo cáo nghiên cứu về một vấn đề đáng quan tâm; biết sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ để nội dung trình bày được rõ ràng, hấp dẫn.

3. Về phẩm chất:

Biết sống có mục đích, có khát vọng cống hiến, làm chủ được bản thân và vượt lên mọi trở ngại.

B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

PHẦN 1: ĐỌC

Tiết 43,44

VĂN BẢN 1

SỐNG, HAY KHÔNG SỐNG – ĐÓ LÀ VẤN ĐỀ
(Trích *Hăm-lét* – Uy-li-am Sếch-xpia)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- HS nhận biết và phân tích được một số yếu tố của bi kịch như: xung đột, hành động, lời thoại, nhân vật, cốt truyện, hiệu ứng thanh lọc,... qua đoạn trích *Sống, hay không sống – đó là vấn đề* của bi kịch *Hăm-lét*
- HS phân tích được các chi tiết tiêu biểu trong đoạn trích *Sống, hay không sống – đó là vấn đề*, làm rõ được mối quan hệ giữa các chi tiết ấy với đề tài, câu chuyện, hành động kịch, nhân vật chính – phụ.
- HS phân tích được những đặc điểm của ngôn ngữ bi kịch thể hiện qua cách dùng từ ngữ, biện luận, suy xét tự ý thức và ý thức về cuộc sống của nhân vật trong đoạn trích *Sống, hay không sống – đó là vấn đề*.

2. Về năng lực:

Viết được đoạn văn cảm nhận về nhân vật Hăm-lét.

3. Về phẩm chất:

HS đồng cảm được với tâm trạng trăn trở, với những suy nghiệm của nhân vật Hăm-lét về cuộc đời, về chính mình, từ đó, biết sống có mục đích, có khát vọng cống hiến, làm chủ được bản thân và vượt lên mọi trở ngại.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập. Ngoài ra, giáo viên nên chuẩn bị các tài liệu nói về lí thuyết bi kịch, các bài phê bình, nghiên cứu, các tác phẩm văn học, nghệ thuật, tranh ảnh liên quan đến vở kịch *Ham-let* và các sáng tác của Sếch-xpia.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng
11				
11				

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. Nội dung: Cho học sinh tham gia trò chơi ô chữ. Đáp án hàng dọc là **BI KỊCH**

c. Sản phẩm:

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên thực hiện trình chiếu câu hỏi. Học sinh suy nghĩ và sự đoán đáp án của ô chữ. Sau trò chơi, GV đặt câu hỏi: Con có cảm nhận như thế nào về cảnh ngộ những nhân vật gặp phải trong các tác phẩm trên? B2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh theo dõi và trả lời câu hỏi B3. Báo cáo thảo luận: Học sinh chia sẻ B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài học.	Câu hỏi ô chữ và đáp án: Câu 1: Từ có 7 chữ cái. Đây là chi tiết nghệ thuật quan trọng trong tác phẩm “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ tạo ra thắt nút và mở nút cho tác phẩm. Đáp án: Cái bóng. Câu 2: Từ có 7 chữ cái. Điền vào chỗ trống để tạo thành tên tác phẩm của Khánh Hoài: “Cuộc của những con búp bê”. Đáp án: chia tay Câu 3: Từ có 8 chữ cái. Đây là tên nhân vật chính trong tác phẩm “Đoạn trường tân thanh” của Nguyễn Du. Đáp án: Thúy Kiều. Câu 4: Trong đoạn trích “Trong lòng mẹ” của Nguyên Hồng người mẹ đã trở về vào ngày gì của cha Hồng? a. Sinh nhật b. Giỗ c. Hết tang d. Bóc mộ Đáp án: Giỗ Câu 5: Từ có 6 chữ cái. Đây là tên một truyện ngắn của Nam Cao viết về số phận đau khổ của người nông dân nghèo đã phải ăn bả chó để tự vẫn. Đáp án: Lão Hạc. Câu 6: Có 11 chữ cái. Tác giả của bài thơ “Bánh trôi nước”. Đáp án: Hồ Xuân Hương.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN

a. Mục tiêu: Giúp học sinh hiểu được các khái niệm bi kịch; xung đột, cốt truyện, nhân vật, hành động, ngôn ngữ trong bi kịch; hiệu ứng thanh lọc của bi kịch.

b. Nội dung: Thực hiện phiếu học tập theo từng nhóm.

c. Sản phẩm: Phần trình bày sản phẩm của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành 3 nhóm, tìm hiểu và thực hiện phiếu học tập: + Nhóm 1- phiếu học tập 1(Bi kịch): 1. Yếu tố cốt lõi của bi kịch là gì? Cái bi là gì? 2. Nêu những chủ đề có thể khai thác để xây dựng cốt truyện bi kịch. + Nhóm 2 – phiếu học tập 2 (Nhân vật và xung đột trong bi kịch): 1. Xung đột trong bi kịch là gì? 2. Đặc điểm xung đột, cốt truyện bi kịch đã chi phối phẩm chất, hành động của nhân vật chính trong bi kịch ra sao? 3. Đặc điểm lời thoại của nhân vật trong bi kịch? + Nhóm 3 – phiếu học tập 3 (Hiệu ứng thanh lọc của bi kịch): 1. Thế nào là “hiệu ứng thanh lọc” của bi kịch? 2. Vì sao việc tiếp nhận bi kịch lại mang “hiệu ứng thanh lọc” cho tâm hồn? B2. Thực hiện nhiệm vụ Các nhóm làm việc trên phiếu học tập. B3. Báo cáo thảo luận Các nhóm lần lượt báo cáo sản phẩm của nhóm mình. Các nhóm khác lắng nghe, đưa ra phản hồi. Nhóm được hỏi sẽ giải đáp các câu hỏi của nhóm khác về sản phẩm của nhóm mình. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét quá trình và kết quả làm việc của các nhóm. GV chốt ý.	I. Bi kịch 1. Yếu tố cốt lõi của bi kịch là cái bi. Cái bi là phạm trù mỹ học xác định giá trị thẩm mỹ của những xung đột không thể giải quyết, được khai triển trong tiến trình hành động tự do của nhân vật, kèm theo xung đột này là những đau khổ và tiêu vong của nhân vật hoặc sự mất mát những giá trị đời sống của nó. 2. Những chủ đề: định mệnh ngang trái, khát vọng kì vĩ không thể thành hiện thực, những mất mát lớn lao, sự nổi loạn chống lại trật tự thế giới,... II. Nhân vật và xung đột trong bi kịch 1. Xung đột trong bi kịch những mâu thuẫn hệ trọng, gay gắt giữa lựa chọn hành động tự do của nhân vật với cái tất yếu khách quan được thể hiện và cả cái tất yếu chủ quan. 2. Nhân vật chính trong bi kịch phải trải qua những đau khổ, giằng xé cả về thể xác lẫn tinh thần, rơi vào những tình huống nặng nề, bế tắc, thường có kết cục bi thảm. 3. Lời thoại căng thẳng, chất chứa biện luận. thể hiện suy tư trăn trở và thể hiện ý chí mạnh mẽ, không chịu khuất phục. III. Hiệu ứng thanh lọc của bi kịch 1. Hiệu ứng thanh lọc của bi kịch (sự tẩy rửa trong bi kịch), thuật ngữ từ thời cổ đại Hi Lạp, dùng chỉ sự tác động của bi kịch Hi Lạp đối với người xem, hướng họ về cái thiện, cái đẹp, tránh xa cái ác, cái xấu. 2. Theo dõi hành động kịch căng thẳng, gay gắt, kết cục bi thảm, người tiếp nhận bi kịch có thể sợ hãi, kinh hoàng, thương cảm, xót xa như chính mình đang trải nghiệm những bế tắc trong cuộc sống nhân vật để rồi từ đó căm ghét cái đê tiện, giả dối, ngưỡng mộ cái đẹp đẽ, hào hùng, tâm hồn được thanh lọc và trở nên hài hòa, thăng bằng hơn.

Nội dung 2: ĐỌC VĂN BẢN 1: SỐNG, HAY KHÔNG SỐNG – ĐÓ LÀ VẤN ĐỀ

2.1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu:

- Nắm được những thông tin cơ bản về cuộc đời và sự nghiệp của tác giả Sếch-xpia

- Tóm tắt được vở kịch *Hăm-lét*.
- Xác định được thể loại, hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ, vị trí của đoạn trích “*Sống, hay không sống – đó là vấn đề*”
- b. Nội dung:** Những thông tin cơ bản về Sếch-xpia và tác phẩm *Hăm-lét*. Đoạn trích “*Sống, hay không sống – đó là vấn đề*”.
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản “*Sống, hay không sống – đó là vấn đề*”.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm																																																																																										
*Nhiệm vụ 1: Khởi động B1. Chuyển giao nhiệm vụ: - GV đặt câu hỏi: Theo bạn, việc ý thức về tình trạng bi đát của hoàn cảnh có khi nào ngăn trở con người hành động quyết đoán trong cuộc đời? - HS có thể trả lời theo những hướng khác nhau. B2. Thực hiện nhiệm vụ HS làm việc theo nhóm đôi. B3. Báo cáo thảo luận: HS trả lời B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét chốt ý	Câu trả lời có thể: + Việc ý thức về tình trạng bi đát của hoàn cảnh không ngăn trở con người hành động quyết đoán trong cuộc đời. + Việc ý thức về tình trạng bi đát của hoàn cảnh có ngăn trở con người hành động quyết đoán trong cuộc đời																																																																																										
*Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về tác giả Sếch-xpia B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu học sinh đọc phần tiểu dẫn về tác giả trong SGK - Chia lớp thành 3 nhóm cùng tham gia trò chơi “Truy tìm mật mã”. <table border="1"><tr><td>N</td><td>N</td><td>H</td><td>A</td><td>N</td><td>V</td><td>A</td><td>N</td><td>E</td><td>N</td></tr><tr><td>G</td><td>H</td><td>I</td><td>A</td><td>T</td><td>K</td><td>N</td><td>H</td><td>A</td><td>N</td></tr><tr><td>B</td><td>T</td><td>A</td><td>N</td><td>M</td><td>A</td><td>N</td><td>H</td><td>M</td><td>E</td></tr><tr><td>C</td><td>V</td><td>E</td><td>A</td><td>B</td><td>C</td><td>I</td><td>N</td><td>E</td><td>A</td></tr><tr><td>E</td><td>M</td><td>R</td><td>N</td><td>U</td><td>N</td><td>G</td><td>H</td><td>J</td><td>X</td></tr><tr><td>S</td><td>F</td><td>O</td><td>H</td><td>D</td><td>I</td><td>A</td><td>C</td><td>A</td><td>U</td></tr><tr><td>X</td><td>U</td><td>O</td><td>N</td><td>G</td><td>D</td><td>A</td><td>T</td><td>I</td><td>D</td></tr><tr><td>B</td><td>R</td><td>U</td><td>G</td><td>B</td><td>I</td><td>N</td><td>H</td><td>A</td><td>N</td></tr><tr><td>A</td><td>P</td><td>H</td><td>U</td><td>C</td><td>H</td><td>U</td><td>N</td><td>G</td><td>V</td></tr></table> 1. Sếch-xpia là nhà soạn kịch, nhà thơ nổi tiếng nhất nước Anh thời kì nào? Đáp án: Phục hưng 2. Ông sinh ra và lớn lên ở miền tây nam nước Anh trong một gia đình...? Đáp án: buôn bán 3. Năm 1599, Sếch-xpia tham gia xây dựng nhà hát nào? Đáp án: Địa Cầu 4. Nhân vật kịch của Sếch-xpia thường có tính cách ra sao? Đáp án: Mạnh mẽ	N	N	H	A	N	V	A	N	E	N	G	H	I	A	T	K	N	H	A	N	B	T	A	N	M	A	N	H	M	E	C	V	E	A	B	C	I	N	E	A	E	M	R	N	U	N	G	H	J	X	S	F	O	H	D	I	A	C	A	U	X	U	O	N	G	D	A	T	I	D	B	R	U	G	B	I	N	H	A	N	A	P	H	U	C	H	U	N	G	V	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả a. Cuộc đời - Uy-li-am Sếch-xpia (1564-1616) là nhà soạn kịch, nhà thơ lớn nhất nước Anh thời kì Phục hưng. - Ông sinh ra trong một gia đình buôn bán len dạ. Khi ông 14 tuổi, do gia đình sa sút nên ông buộc phải thôi học. - Từ 1585, ông lên Luân Đôn kiếm sống, làm giúp việc cho đoàn kịch, rồi thành diễn viên, nhà soạn kịch và người đồng sở hữu đoàn kịch. - 1599, ông tham gia xây dựng nên Nhà hát Địa Cầu. b. Sự nghiệp - Sáng tác của ông gồm 37 vở kịch, 4 trường ca, 154 bài son-nê được coi là những kiệt tác hàng đầu thế giới. - Kịch của ông gồm nhiều thể loại, nổi tiếng nhất là bi kịch. - Bi kịch của Sếch-xpia chứa đựng tinh thần nhân văn sâu sắc thể hiện qua các nhân vật phóng khoáng, tự do, có tính cách mạnh mẽ; qua lời thoại sắc sảo, tinh tế; nghệ thuật triển khai, đan xen các tuyến xung đột, các tuyến hành động kịch mang tính chất dồn nén, tập
N	N	H	A	N	V	A	N	E	N																																																																																		
G	H	I	A	T	K	N	H	A	N																																																																																		
B	T	A	N	M	A	N	H	M	E																																																																																		
C	V	E	A	B	C	I	N	E	A																																																																																		
E	M	R	N	U	N	G	H	J	X																																																																																		
S	F	O	H	D	I	A	C	A	U																																																																																		
X	U	O	N	G	D	A	T	I	D																																																																																		
B	R	U	G	B	I	N	H	A	N																																																																																		
A	P	H	U	C	H	U	N	G	V																																																																																		

5. Những vở bi kịch của ông chứa đựng giá trị... sâu sắc Đáp án: nhân văn - Sau thi thực hiện xong nhiệm vụ “Truy tìm mật mã”, tổ chức bốc thăm để 1 nhóm lên trình bày về cuộc đời và sự nghiệp của Sếch-xpia dựa trên những thông tin vừa tìm được. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. B2. Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc bài. - Làm việc theo nhóm truy tìm mật mã B3. Báo cáo thảo luận Bốc thăm để thuyết trình, nhận xét. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv nhận xét, chốt ý.	trung. Các vở bi kịch của ông thường dựa trên một số cốt truyện, truyền thuyết có sẵn nhưng được mở rộng, khơi sâu chủ đề để xây dựng những hình tượng bất tử.
Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu về tác phẩm Hăm-lét và đoạn trích “Sống, hay không sống - đó là vấn đề” B1. Chuyển giao nhiệm vụ * GV giao HS tóm tắt tác phẩm trước ở nhà * GV gửi gói câu hỏi trắc nghiệm trên Azota 1. Tác phẩm Hăm-lét được sáng tác vào giai đoạn nào? a. 1599-1600 b. 1599-1601 c. 1600-1601 d. 1601-1603 Đáp án: b 2. Vở bi kịch Hăm-lét được xây dựng dựa trên cốt truyện nào? a. Câu chuyện hoàng tử Ăm-lét xứ Đan Mạch b. Do Sếch-xpia hoàn toàn sáng tạo ra c. Câu chuyện tình lãng mạn mà đau thương ở Ý thời Trung cổ. d. Câu chuyện cô tích dân gian. Đáp án: a 3. Sếch-xpia đặt nhân vật trong vở kịch vào bối cảnh nào? a. Trung cổ b. Hiện đại c. Phục hưng d. Hậu kì Phục hưng Đáp án: d 4. Vở bi kịch gồm mấy hồi? a. 3 b. 4 c. 5 d. 6 Đáp án: 5 5. Đoạn trích “Sống, hay không sống - đó là vấn đề” thuộc hồi mấy của vở kịch? a. Hồi 1 b. Hồi 2 c. Hồi 3 d. Hồi 4 Đáp án: c B2: Thực hiện nhiệm vụ HS nhấp chuột vào link Azota giáo viên gửi, đọc và thực hiện nhiệm vụ học tập trong thời gian 3	2. Văn bản a. Vở kịch “Hăm-lét” - Sáng tác vào khoảng 1599-1601 - Dựa trên cốt truyện về hoàng tử Ăm-lét xứ Đan Mạch trả thù cho cha. - Sếch-xpia đặt nhân vật trong vở kịch vào bối cảnh hậu kì Phục hưng khi lí tưởng nhân văn chủ nghĩa lâm vào tình trạng khủng hoảng sâu sắc bởi xung đột với thực tế lịch sử nghiệt ngã. - Vở kịch gồm 5 hồi: Tóm tắt vở kịch (HS trình bày phần đã chuẩn bị ở nhà) b. Đoạn trích “Sống, hay không sống - đó là vấn đề” - Đoạn trích thuộc cảnh 1 hồi III của vở kịch - Ý nghĩa nghệ thuật của đoạn trích: Không chỉ góp phần khơi sâu tư tưởng chủ đề của vở kịch, mà còn gợi nhiều suy ngẫm về bản tính con người, về những nỗi vướng mắc tâm tư và trần trụi muôn đời của con người trong cuộc sống.

phút. B3: Báo cáo thảo luận Làm xong hs sẽ đánh giá được năng lực của bản thân B4. Đánh giá kết quả thực hiện GV nhận xét, rút kinh nghiệm, nhấn mạnh một số kiến thức trọng tâm	
--	--

2.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Hs nhận biết và phân tích được một số yếu tố của bi kịch như: xung đột, hành động, lời thoại, nhân vật, cốt truyện, hiệu ứng thanh lọc,... qua đoạn trích *Sống, hay không sống* – đó là vấn đề của bi kịch *Hăm-lét*
- HS phân tích được các chi tiết tiêu biểu trong đoạn trích *Sống, hay không sống* – đó là vấn đề, làm rõ được mối quan hệ giữa các chi tiết ấy với đề tài, câu chuyện, hành động kịch, nhân vật chính.

b. Nội dung:

- Sử dụng SGK, chất lọc kiến thức, trao đổi thảo luận để tiến hành trả lời các câu hỏi liên quan đến văn bản *Sống hay không sống?* - Đó là vấn đề.

c. Sản phẩm:

- Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản *Sống hay không sống?* - Đó là vấn đề và chuẩn kiến thức GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm														
Nhiệm vụ 1: B1. Chuyển giao nhiệm vụ - HS đọc đoạn trích, xác định các nhân vật trong đoạn đối thoại, các màn đối thoại. - HS chia 4 nhóm thảo luận và hoàn thành phiếu học tập sau trên bảng phụ: <table><tr><td>Lời đối thoại</td><td>Mối quan hệ với Hăm lét</td><td>Nội dung</td><td>Ý nghĩa</td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td rowspan="3"></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td></tr></table>	Lời đối thoại	Mối quan hệ với Hăm lét	Nội dung	Ý nghĩa											II. Khám phá văn bản 1. Âm mưu do thám - Lời thoại giữa: Vua với Rô-đen- cran và Ghin-đơn-xton; Vua với hoàng hậu, Ô-phê-li-a - Mối quan hệ với Hăm lét: Chú, bạn thân, mẹ ruột, người yêu - đều là những người có mối quan hệ ruột thịt, thân thiết gần gũi với Hăm lét, là nơi có thể tin cậy được -> Thực tế phũ phàng khiến cho Hăm-lét phải đánh giá lại tất cả những mối quan hệ này. Đây là biểu hiện của sự băng hoại về đạo đức của xã hội hiện tại - Nội dung các lời thoại: + Bằng những lời đẹp đẽ bề ngoài tưởng chừng như họ quan tâm đến tình trạng của Hăm lét thực chất tất cả đều muốn tìm hiểu tình trạng thực sự của Hăm – lét là điên thật hay giả điên. + Vua và Hoàng hậu bộc lộ âm mưu do thám tình hình thực sự của Hăm – lét qua việc bố trí việc nghe trộm cuộc nói chuyện giữa Hăm – lét và Ô-phê-li-a - Qua đoạn đối thoại thấy được: + Tâm trạng bất an của vua và hoàng hậu
Lời đối thoại	Mối quan hệ với Hăm lét	Nội dung	Ý nghĩa												

- Các nhóm cho điểm và đánh giá lẫn nhau thang điểm 10: 7 điểm nội dung, 3 điểm trình bày

	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4
Nhóm 1				
Nhóm 2				
Nhóm 3				
Nhóm 4				
Tổng				

- GV tổng kết nhiệm vụ 1, bổ sung chỉnh sửa nội dung còn thiếu. Yêu cầu 1,2 nhóm lí giải cách cho điểm nhóm bạn.

Nhiệm vụ 2:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

- Đọc kĩ đoạn trích
- Lớp chia 2 nhóm:
 - + Nhóm 1 mang tên Mặt trăng
 - + Nhóm 2 mang tên Mặt trời
 (Cũng có thể để HS tự đặt tên nhóm cho nhóm của mình)
- Chuẩn bị tham gia cuộc thi hùng biện mang tên: “Tobe or not tobe”
- Phân tích các xung đột trong nội tâm của Hăm-lét
- Đánh giá về nhân vật

B2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS chia nhóm thảo luận, cử mỗi tổ 1 thành viên tham gia cuộc thi hùng biện
- Lớp cử 1 đại diện đảm nhiệm vai trò MC dẫn dắt cuộc thi
- MC không tham gia thảo luận mà lên chương trình ngắn gọn để dẫn dắt cuộc thi hùng biện.

B3. Báo cáo thảo luận

- 4 đại diện lên thuyết trình và tranh biện cùng các đối thủ để bảo vệ quan điểm của mình

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- Các thành viên còn lại trong lớp sẽ theo dõi và đánh giá kết quả cuộc thi bằng cách giơ tay hoặc đưa tay thích hoặc không thích
- Đội thắng cuộc là đội được giơ tay nhiều nhất hoặc được thích nhiều nhất
- GV tổng kết nội dung bổ sung nội dung còn thiếu, sửa chữa nội dung chưa đúng hoặc HS đưa ra lí giải chưa phù hợp.

+ Tinh thần cứu cung tận tụy của 2 người bạn, Ô-phê-li-a đồng lõa với âm mưu do thám
 + Thời đại đảo điên, giả dối lúc bấy giờ- Là thời đại xã hội Tư sản Anh mới ra đời “mình đã tắm đầy bùn máu”(Kac-Mac), cũng là thực tại mà Hăm – lét đang đấu tranh để chống lại.

2. Suy tưởng và hành động của Hăm-lét

**Lời độc thoại*

- Hăm-lét suy tư giữa

Sống	Không sống
-Không hành động -Sống nhục nhã, hèn hạ -Chịu đựng mọi điều đảo điên giả dối	- Hành động - Cầm vũ khí đứng lên đấu tranh - Chết

- Hăm – lét chọn hành động, lại rơi vào xung đột mới là: Chết và sẽ mơ thấy ác mộng

Chết	
Đáng mong muốn	Khó khăn
- Chấm dứt mọi khổ đau - Thoát khỏi thể xác trần tục	- Mơ - Mọi khổ cực mà nhân dân phải chịu đựng

-> Hăm lét đặt mình vào vị thế của nhân dân để đau nỗi đau thời đại, chứ không chỉ đấu tranh để trả mối thù giết cha

-> Xung đột chính trong vở kịch không phải là xung đột giữa Hăm-lét và vua mà là xung đột giữa chàng với cả thời đại khổ đau. Nên cuộc đấu tranh của nhân vật trở nên thật hào hùng

** Lời đối thoại với Ô-phê-li-a*

- Hăm-lét nói những lời nói tàn nhẫn để đoạn tuyệt quan hệ với nàng

- Cũng là tín hiệu khẳng định rằng Hăm-lét đưa ra lựa chọn của bản thân là quyết tâm chống lại hiện thực xã hội đảo điên xảo trá lúc đó

=> Nhân vật hoài nghi Hăm-lét là một hiện tượng có ý nghĩa lịch sử, là nhân vật dám hoài nghi cả xã hội và lôi nó ra tòa án công chúng của

	nhân loại. Đây là phát súng đầu tiên của nhân loại bắn vào thành trì của chủ nghĩa Tư bản ngay giữa lúc đang xây dựng.
--	--

2.3: Tổng kết

a. Mục tiêu:

- HS tổng kết lại giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích

b. Nội dung:

- Sử dụng SGK, tổng hợp kiến thức để tiến hành trả lời các câu hỏi tổng kết văn bản *Sống hay không sống?* - Đó là vấn đề.

c. Sản phẩm:

- Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được khi tổng kết văn bản *Sống hay không sống?*
- Đó là vấn đề

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Đánh giá lại giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích B2. Thực hiện nhiệm vụ: - Mỗi HS rút ra 1 giá trị nội dung và nghệ thuật ghi trong tờ giấy nhớ và dán vào góc học tập của nhóm B3. Báo cáo thảo luận: - Đại diện các nhóm đọc kết quả của nhóm - Các thành viên còn lại thảo luận, đánh giá kết quả của các nhóm B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV tổng kết chung bằng việc chọn các tờ giấy nhớ của HS trong cả lớp sắp xếp lại để tổng kết về nội dung và nghệ thuật	III. Tổng kết 1. Nội dung - Đoạn trích <i>Sống, hay không sống</i> - đó là vấn đề được tác giả thể hiện không chỉ nêu lên tư tưởng, chủ đề của tác phẩm mà còn nêu lên những suy ngẫm về bản tính của con người, những trần trụi, lo âu của con người trong cuộc sống đầy gian nan, vất vả, những rủi ro vẫn đang thường trực xảy ra. 2. Nghệ thuật - Xây dựng nhân vật trong tác phẩm kịch độc đáo, tinh tế, - Tình huống kịch hấp dẫn gây nên những ấn tượng sâu sắc trong tâm trí người tiếp nhận - Sự kết hợp khéo léo giữa ngôn ngữ đối thoại với ngôn ngữ độc thoại của các nhân vật

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) về một vấn đề liên quan sau khi học xong đoạn trích.

b. Nội dung:

- GV hướng dẫn HS viết đoạn văn 150 chữ

c. Sản phẩm:

- Đoạn văn 150 chữ đảm bảo yêu cầu về nội dung và hình thức của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) nêu cảm nhận của bạn về con người Hăm lét được thể hiện qua lời độc thoại trong đoạn trích <i>Sống hay không sống-đó là vấn đề</i> . B2. Thực hiện nhiệm vụ: - HS viết đoạn văn B3. Báo cáo thảo luận	* Về hình thức - Đảm bảo 1 đoạn văn khoảng 150 chữ - Đảm bảo bố cục 1 đoạn văn có : Mở đoạn- Thân đoạn- Kết đoạn *Về nội dung - Đoạn văn cảm nhận về nhân vật Hăm-lét phải được viết từ ấn tượng chung về nhân vật qua lời độc thoại

- HS nộp 3 bài ngẫu nhiên (GV có thể chọn mỗi đối tượng HS 1 bài) B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - HS đọc bài viết, các bạn còn lại nhận xét đánh giá bài của bạn - GV đưa ra đánh giá cuối cùng.	- Đoạn văn có thể là sự ẩn tượng sâu sắc về một chi tiết, một tư tưởng nào đó trong lời độc thoại toát lên con người nhân vật
---	---

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- HS vận dụng được kiến thức đã học vào thực tế bản thân trong cuộc sống
- HS vận dụng kỹ năng đọc bi kịch để đọc, diễn một đoạn bi kịch khác

b. Nội dung:

- HS thực hiện theo HD của GV

c. Sản phẩm:

- Rút ra ý nghĩa trong đời sống hiện đại
- Diễn được một đoạn kịch

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

- Theo em trong xã hội hiện đại có xung đột giữa lí tưởng cao đẹp về con người với những tồn tại tiêu cực trong đời sống xã hội; giữa ý chí hành động tự do với khuynh hướng suy tưởng bị quan trọng mỗi con người có còn tồn tại trong xã hội hiện đại không? Căn cứ đề nêu ý kiến về vấn đề này là gì?
- Sân khấu hóa đoạn trích đã học hoặc một đoạn trích trong vở kịch Hăm lét hoặc trong một vở kịch khác của Sếch- xpia.

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời nhiệm vụ 1 tại lớp để chia sẻ “hiệu ứng thanh lọc” của vở kịch
- HS luyện tập nhiệm vụ 2

B3. Báo cáo thảo luận

- HS trả lời tại lớp, có thể tranh luận nếu có ý kiến bất đồng trái ngược nhau
- Diễn đoạn trích sân khấu hóa trong tiết học hoặc trong một buổi ngoại khóa...

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- GV đánh giá kết quả thực hiện của HS

4. HDVN: Chuẩn bị soạn các câu hỏi trong Văn bản *Vĩnh biệt Cửu Trùng đài*.

Tiết 45,46- VĂN BẢN 2:

VĨNH BIỆT CỬU TRÙNG ĐÀI (Trích *Vũ Như Tô*) – Nguyễn Huy Tưởng

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Học sinh hiểu và phân tích được những đặc trưng của thể loại bi kịch được thể hiện trong đoạn trích *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*.
- Học sinh hiểu được tư tưởng, những đặc sắc trong nghệ thuật kịch của Nguyễn Huy Tưởng.

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung:

Bài học góp phần phát triển năng lực chung

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

2.2. Năng lực đặc thù:

- Học sinh nhận biết và phân tích được một số yếu tố của thể loại bi kịch như : xung đột, hành động, lời thoại, nhân vật, cốt truyện, hiệu ứng thanh lọc,... qua đoạn trích *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*.

- Học sinh phân tích được chủ đề, tư tưởng và những đặc sắc về nghệ thuật được nhà viết kịch Nguyễn Huy Tưởng thể hiện trong đoạn trích.

2.3. Phẩm chất:

- HS biết cảm thông, trân trọng đối với người nghệ sĩ tài năng nhưng phải chịu số phận đau thương, từ đó biết sống có mục đích, có khát vọng cống hiến, làm chủ được bản thân và lựa chọn cho mình được cách hành xử phù hợp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. **Thiết bị:** Máy tính, máy chiếu, giấy A0 hoặc bảng phụ để học sinh làm việc nhóm.

2. **Học liệu:** Sách giáo khoa, kế hoạch bài dạy, sách giáo viên, phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu:** Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học.

b. **Nội dung thực hiện:**

- HS quan sát hình ảnh và nêu hiểu biết của mình về những hình ảnh đó.

c. **Sản phẩm:**

Hiểu biết của học sinh về những hình ảnh GV cung cấp.

d. **Tổ chức thực hiện**

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chiếu một vài hình ảnh về một số công trình kiến trúc nổi tiếng trên thế giới (<i>Vạn lý Trường Thành, Kim tự tháp</i>) - HS nhìn hình ảnh và nêu hiểu biết của mình về những hình ảnh đó. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy ngẫm, trình bày hiểu biết của mình và chia sẻ trước lớp. Bước 3: Báo cáo, thảo luận. - GV gọi đại diện 1-2 HS trình bày hiểu biết của bản thân về hai hình ảnh trên. - HS khác lắng nghe, nhận xét, phản biện. Bước 4: Kết luận, nhận định. - GV nhận xét, đánh giá, dẫn vào bài mới.	- Bức hình 1: <i>Kim tự tháp</i> nổi tiếng và bí ẩn nhất thế giới cổ đại (một trong 7 kì quan thế giới cổ đại). Song để xây dựng được công trình vĩ đại này cần rất nhiều nhân lực, của cải, ước tính giao động từ 20-100 nghìn người làm việc liên tục. Số lượng nhân công này được thay thế thường xuyên bởi xây dựng kim tự tháp là công việc rất khổ ải. - Bức hình 2: <i>Vạn lý Trường Thành</i> + Đây là bức tường và các công sự trải dài theo biên giới phía Bắc của Trung Quốc, do hoàng đế Trung Hoa đầu tiên tên Tần Thủy Hoàng ra lệnh xây dựng vào khoảng năm 200 TCN, sau đó tiếp tục đến thời Minh mở mang xây dựng thêm. + Đây là một công trình kiến trúc đồ sộ, được công nhận là một trong 7 kì quan thế giới mới. + Để xây dựng được công trình này đã có khoảng hơn 400.000 người phải bỏ mạng, nhiều người đã phải chôn vùi thân xác ngay dưới chân thành. Điều đó đã gây nổi oán hận trong nhân dân.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu:

- HS trình bày được những nét khái quát về cuộc đời và sự nghiệp của tác giả.
- HS nắm được những thông tin cơ bản về hoàn cảnh ra đời, tóm tắt được nội dung chính của tác phẩm, xác định được vị trí và nội dung của đoạn trích *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*.

b. Nội dung hoạt động: Thông qua phần chuẩn bị, soạn bài ở nhà của HS theo nhóm đôi, GV tổ chức cho HS đọc nhanh thông tin trong SGK và trả lời nhanh câu hỏi

c. Sản phẩm: Kết quả chuẩn bị ở nhà của HS và câu trả lời đúng, nhanh.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV gọi 2 HS đọc thông tin về tác giả và tác phẩm tr. 141.sgk Ngữ Văn 11. - HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm đã chuẩn bị trước ở nhà theo nhóm (làm phim tài liệu hoặc thiết kế powerpoint + thuyết trình về tác giả, tác phẩm) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (đã chuẩn bị ở nhà) Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện cặp đôi tham gia thuyết trình - HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	I. Tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm 1. Tác giả Nguyễn Huy Tưởng - Nguyễn Huy Tưởng (1912-1960) - Quê: làng Dục Tú, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (nay là xã Dục Tú, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội). - Ông là nhà văn, nhà viết kịch chuyên khai thác đề tài lịch sử. - Sáng tác: đóng góp nổi bật trên thể loại tiểu thuyết và kịch. Trong đó, với thể loại kịch, ông đã để lại dấu ấn sâu đậm trong làng kịch Việt Nam với những tác phẩm tiêu biểu như: <i>Vũ Như Tô</i> (1943), <i>Cột đồng Mã Viện</i> (1944), <i>Bắc sơn</i> (1946)... 2. Tác phẩm - vở kịch đầu tay này viết về sự kiện lịch sử xảy ra ở Thăng Long vào đầu thế kỉ XVI, dưới triều vua Lê Tương Dực. - Vở kịch gồm 5 hồi, được viết năm 1941, sau đó được xuất bản vào năm 1943. - Tóm tắt tác phẩm: sgk

Nội dung 2: Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

- Học sinh đọc, xác định vị trí và tóm tắt được các sự kiện trong văn bản
- Học sinh nhận biết và phân tích được một số yếu tố của bi kịch như: xung đột, hành động, lời thoại, nhân vật, cốt truyện, hiệu ứng thanh lọc,.. qua đoạn trích *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*.
- Học sinh phân tích được những đặc sắc nghệ thuật của kịch Nguyễn Huy Tưởng được thể hiện qua đoạn trích.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung bài học

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Hoạt động: Đọc, xác định vị trí và tóm tắt văn bản. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV phân vai, gọi học sinh đọc. GV gợi ý cách đọc.	II. Đọc hiểu văn bản 1. Đọc, xác định vị trí và tóm tắt. - Giọng đọc phải diễn cảm, phù hợp với nhân vật. - Vị trí đoạn trích: Nằm ở hồi V cũng là hồi cuối của vở kịch.

? Dựa trên kết quả đọc ở nhà và nghe đọc, hãy xác định vị trí đoạn trích và tóm tắt ngắn gọn văn bản. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh thực hiện nhiệm vụ đã chuẩn bị ở nhà theo yêu cầu. - Trên lớp HS đọc lại một số đoạn theo hướng dẫn của GV. - Trong khi đọc lưu ý trả lời các câu hỏi ở thẻ đọc. Bước 3: Báo cáo, thảo luận HS được giao nhiệm vụ nhập vai, đọc to rõ ràng, các HS khác đọc thầm, trả lời câu hỏi. GV gọi HS xác định vị trí và tóm tắt (Gọi khoảng 2 HS bất kì của các nhóm) - HS có thể tóm tắt bằng sơ đồ đã chuẩn bị hoặc bằng trình chiếu PowerPoint. HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	- Tóm tắt: HS nêu được một số sự kiện chính qua các lớp. + Đan Thiềm giục Vũ Như Tô trốn vì kiêu binh nổi loạn, định phá Cửu Trùng Đài nhưng Vũ Như Tô nhất quyết ở lại. + Lê Trung Mai xuất hiện báo tin Trịnh Duy Sản làm phản, nhà vua và hoàng hậu đều đã chết, Nguyễn Vũ biết tin đã tự sát theo vua. + Nội gián cho biết loạn quân đã đập phá kinh thành, đốt Cửu Trùng Đài, Lê Trung Mai và bọn nội gián đều chạy trốn, Vũ Như Tô vẫn nhất quyết ở lại. + Quân khởi loạn và Ngô Hạch vào thành bắt đám cung nữ và Đan Thiềm, Đan Thiềm một mực cầu xin tha mạng cho Vũ Như Tô. + Vũ Như Tô vẫn hi vọng An Hòa Hầu biết ông vô tội và đề ông tiếp tục xây dựng Cửu Trùng Đài, nhưng khi biết được chính An Hòa Hầu đã ra lệnh đốt Cửu Trùng Đài, VNT tuyệt vọng và yêu cầu quân sĩ dẫn mình ra pháp trường.
Hoạt động: Khám phá văn bản Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về Tình huống kịch. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV phân lớp làm 4 nhóm cùng thực hiện một nội dung. - GV cung cấp phiếu học tập số 1, HS hoàn thiện các nội dung theo các câu hỏi: + Tình huống kịch là gì? Theo em, tình huống kịch được miêu tả trong đoạn trích là tình huống gì? + Trước tình huống đó, mỗi nhân vật có lựa chọn và hành động như thế nào, qua đó thể hiện được đặc điểm tính cách gì của nhân vật? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS làm việc theo nhóm đã được phân công. - Hoàn thiện phiếu học tập số 1 vào giấy A0 hoặc bảng phụ đã chuẩn bị. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi đại diện nhóm bất kì báo cáo sản phẩm. - Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung, phản biện. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức cơ bản.	2. Khám phá văn bản 2.1. Tình huống kịch. - Tình huống kịch là một hoàn cảnh đặc biệt giúp bộ lộ toàn bộ tính cách và số phận của nhân vật. - Tình huống kịch được miêu tả trong đoạn trích là: Trịnh Duy Sản dấy binh làm loạn, giết nhà vua, đốt phá Cửu Trùng Đài, lùng bắt Vũ Như Tô. Đây là tình huống vô cùng kịch tính, làm thay đổi số phận nhân vật và đẩy nhân vật vào một tình thế buộc phải lựa chọn, thông qua đó bộc lộ tính cách nhân vật. - Trước tình huống đó, mỗi nhân vật có những phản ứng và hành động khác nhau: + Đan Thiềm thì khẩn thiết cầu xin Vũ Như Tô đi trốn để không uổng phí tài trời, ngay cả khi bị bắt vẫn một mực bảo vệ Vũ Như Tô. + Vũ Như Tô nhất quyết ở lại Cửu Trùng Đài, một lòng tin vào sự vô tội của mình, hi vọng có thể xây dựng được một Cửu Trùng Đài huy hoàng nhưng cuối cùng chấp nhận cái chết khi chứng kiến Cửu Trùng Đài bị đốt cháy. + Nguyễn Vũ khi biết vua chết, kiêu binh nổi loạn liền tự sát theo vua + Lê Trung Mai và bọn nội gián lựa chọn chạy trốn. + Đám cung nữ quyến rũ quân sĩ, vu oan cho Đan Thiềm và Vũ Như Tô hòng thoát chết.

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về xung đột kịch.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV phát vấn: *Xung đột kịch là gì?*

GV phát phiếu học tập số 2, HS hoàn thiện vào bảng (cá nhân hoặc theo nhóm đôi) tìm hiểu về xung đột kịch trong văn bản theo các câu hỏi gợi ý:

- Xung đột kịch được thể hiện qua những nhân vật nào, gắn với các sự kiện nào? Từ đó xác định xung đột chính của đoạn trích cũng như toàn bộ tác phẩm là gì?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS làm việc cá nhân hoặc theo cặp, hoàn thiện phiếu học tập số 2.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận.

- GV gọi 1-2 học sinh hoặc nhóm trình bày, HS khác lắng nghe, nhận xét và phản biện.

Bước 4: Đánh giá, kết luận.

GV nhận xét, đánh giá và chốt ý

+ Ngô Hạch và đám quân sĩ đắc thắng khi bắt được Vũ Như Tô và đốt phá Cửu Trùng Đài.

-> Trước cùng một tình huống, nhưng mỗi nhân vật lại có những lựa chọn và hành động khác nhau. Điều đó đã làm nổi bật những tính cách đối lập của các nhân vật: Sự tận trung của Nguyễn Vũ đối lập với sự phản trắc của Lê Trung Mai và bọn nội giám; sự ngay thẳng, cương trực và lòng vị tha của Đan Thiềm so với sự giả dối, ích kỷ của lục cung nữ; sự cương trực, lãng mạn và đầy lí tưởng của Vũ Như Tô so với sự thực dụng, thô lỗ, hèn hạ của đám quân sĩ và Ngô Hạch. Có thể nói, tình huống kịch mà Nguyễn Huy Tưởng xây dựng trong đoạn trích thực sự đắt giá, làm nổi bật xung đột kịch cũng như làm bộc lộ rõ tính cách nhân vật.

2.2. Xung đột kịch

* **Xung đột kịch** là yếu tố chi phối toàn bộ cách triển khai nhân vật, các sự kiện, lời thoại và hành động, tạo nên sức hấp dẫn của tác phẩm, đồng thời bộc lộ rõ nét tư tưởng của tác giả.

* **Xung đột kịch được thể hiện trong văn bản:**

- Trước hết thể hiện qua mâu thuẫn gay gắt, quyết liệt giữa các tuyến nhân vật:

+ Vũ Như Tô và Đan Thiềm kiên quyết bảo vệ Cửu Trùng Đài, trong khi đó lũ nội giám, đám cung nữ, Lê Trung Mai đều không nhìn thấy hoặc không thừa nhận giá trị của Cửu Trùng Đài, thậm chí còn mừng rỡ khi Cửu Trùng Đài bị đốt cháy.

+ Vũ Như Tô và Đan Thiềm là những người dũng cảm, trung thực, vị tha, có lí tưởng sống cao cả, sẵn sàng hi sinh tính mạng để bảo vệ lí tưởng, trong khi đó các nhân vật còn lại đều là những nhân vật thực dụng, ích kỷ, dối trá và hung bạo.

- Xung đột kịch còn thể hiện qua sự đối lập sâu sắc trong hành động của các nhân vật:

+ Đan Thiềm tha thiết xin Vũ Như Tô đi trốn nhưng Vũ Như Tô kiên quyết ở lại.

+ Đám cung nữ khăng khăng đổ tội cho Vũ Như Tô nhưng Đan Thiềm ra sức bảo vệ.

+ Vũ Như Tô tha thiết xin được gặp An Hòa Hầu song đám quân lính nhất định đưa dẫn Vũ Như Tô ra pháp trường.

-> Xung đột chính trong đoạn trích cũng như toàn bộ văn bản là xung đột giữa lí tưởng nghệ thuật cao cả của một nghệ sĩ chân chính, tài hoa

GV mở rộng bằng câu hỏi: Việc xây dựng xung đột trong văn bản có vai trò gì?

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu về nhân vật Vũ Như Tô (qua ngôn ngữ và hành động)

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV chia lớp thành 3 nhóm, hoàn thiện phiếu học tập số 3.

Tìm hiểu về nhân vật Vũ Như Tô qua ngôn ngữ và hành động.

Nhóm 1: Tìm lời thoại của nhân vật VNT khi nghe Đan Thiềm báo tin loạn quân đang kéo đến phá Cửu Trùng Đài. Lời thoại ấy cho thấy điều gì về tâm trạng và hành động của nhân vật.

Nhóm 2 và nhóm 3: Vẽ câu hỏi ấy nhưng với các hoàn cảnh khác (khi cung nữ vu oan, chế giễu, sỉ nhục và Chứng kiến Đan Thiềm ra sức bảo vệ VNT; khi quân lính báo tin kinh thành phát hỏa, Cửu Trùng Đài sắp thành tro tàn)

Yêu cầu: HS đọc kĩ lời thoại, chỉ ra những hành động và tâm trạng của nhân vật được bộc lộ qua lời thoại

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc nhóm, hoàn thiện phiếu học tập số 3.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi đại diện HS bất kì trình bày. Các HS khác lắng nghe, nhận xét.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức cơ bản.

với đời sống lầm than, cơ cực của nhân dân; xung đột giữa sự cương trực, trong sáng, ngay thẳng của cá nhân với một xã hội tầm thường giả dối, vụ lợi.

+ Các xung đột này góp phần làm nổi bật bi kịch của người nghệ sĩ cũng như thân phận đầy bi kịch của những cá nhân trong một xã hội loạn lạc, đầy biến động, nhưng qua đây cũng khẳng định được sức mạnh của ý chí và khát vọng tự do của con người. Dẫn cho Cửu Trùng Đài bị đốt cháy, Vũ Như Tô có bị hành quyết nơi pháp trường thì ước vọng về một thứ nghệ thuật chân chính, tự do, cao cả không thể bị dập tắt.

3. Nhân vật Vũ Như Tô (qua lời nói và hành động)

- Khi nghe Đan Thiềm báo tin loạn quân đang kéo về triều đình để phá Cửu Trùng Đài, Vũ Như Tô vẫn không tin, một mực cho rằng mình vô tội, thậm chí hi vọng có thể thuyết phục An Hòa Hầu cho mình xây tiếp Cửu Trùng Đài.

+ Niềm tin ngây thơ ấy được thể hiện qua một loạt các câu hỏi: “Sao bà nói lạ? Đài Cửu Trùng chưa xong, tôi trốn đi đâu. Làm gì phải trốn?” “Tôi làm gì nên tội?” “Phá Cửu Trùng Đài? Không đời nào? Mà tôi thì không làm gì nên tội”. , hay qua các câu phủ định và những lời khẳng định dứt khoát: “Tôi không trốn đâu. Người quân tử không bao giờ sợ chết Tôi sống với Cửu Trùng Đài, chết cũng với Cửu Trùng Đài.”

+ Những lời thoại này cho thấy VNT là một nghệ sĩ khao khát theo đuổi lí tưởng nghệ thuật nhưng hoàn toàn xa rời thực tế.

- Khi đám cung nữ vu oan, đám quân khởi loạn chế giễu, sỉ nhục và khi chứng kiến việc Đan Thiềm ra sức bảo vệ cho mình, VNT đã nói những lời đanh thép, thể hiện thái độ thẳng thắn, không hề khuất phục trước cường quyền: “Giết thì cứ giết, nhưng đừng vu oan, “Sao bà lẩn tránh thế, lạy cả một đấng tiểu nhân?”; “Mi thực sự là một tên bỉ ổi.Sao trời lại để cho mi sống làm nhục cương thường”. Mặt khác ông cũng luôn hi vọng có thể tiếp tục xây dựng Cửu Trùng Đài: “ Ta sẽ xây một đài vĩ đại để tạ lòng tri kỉ”, “Ta không có tội và chủ tướng các người sẽ coi trời cho ta để ta xây nốt Cửu trùng Đài.” Những lời này cho thấy VNT là người cương trực, dũng cảm nhưng cũng hết sức trong sáng, cả tin.

GV đặt thêm câu hỏi phát vấn mở rộng:
So sánh nhân vật Vũ Như Tô với các nhân vật tự sự đã học, em nhận ra đâu là sự khác biệt của nhân vật kịch so với nhân vật tự sự? Từ đó em rút ra điều gì cần lưu ý khi phân tích một nhân vật kịch?

Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu về hình tượng Cửu Trùng Đài

- Khi quân lính báo tin kinh thành phát hỏa, Cửu Trùng Đài sắp trở thành đồng tro tàn, VNT vẫn không tin. Nhưng khi thấy ánh sáng rực, tàn than, khói bụi bay vào, ông vô cùng căm phẫn và tuyệt vọng, thốt lên đầy đau đớn: “*Đốt thực rồi! Đốt thực rồi! Ôi đảng ác! Ôi muôn phần căm giận! Trời ơi! Phút cho ta cái tài làm gì? Ôi mộng lớn! Ôi Đan Thiềm! Ôi Cửu Trùng Đài!*”

+ Lời độc thoại thể hiện thái độ bi phẫn, sự thất vọng náo nức của VNT khi giấc mộng nghệ thuật của mình bị sụp đổ trước một thực tại tàn khốc. Đó là lời than tiếc cho tài năng, cho thân phận nhỏ bé của người nghệ sĩ. VNT đã lựa chọn cái chết. Sự lựa chọn đó khẳng định niềm say mê lí tưởng nghệ thuật của ông, nhất quán với tính cách cương trực của ông, đồng thời cũng góp phần tô đậm bi kịch vỡ mộng của người nghệ sĩ khi đối diện với một thực tại đã bóp nghẹt đi giấc mơ sáng tạo của con người, bi kịch sụp đổ niềm tin của các nhân vật trước mmootj thời thế chao đảo, cái xấu, cái ác lên ngôi.

*** Điểm khác biệt của nhân vật VNT so với các nhân vật trong các tác phẩm tự sự:**

- VNT luôn nhất quán trong tính cách và hành động, lời nói. Từ đầu đến cuối ta thấy, VNT luôn đặt cược toàn bộ đời sống và tính mạng của mình vào Cửu Trùng Đài, bất chấp mọi khuyên can, cản trở, huy hiếp của người khác. Sự nhất quán này một mặt khẳng định ý chí tự do của con người, mặt khác thúc đẩy các xung đột lên cao trào, tạo sức hấp dẫn cho tác phẩm.

- Hơn nữa trong các tác phẩm tự sự, nhân vật thường được biểu hiện thông qua các hình thức giỚI thiệu lai lịch, chân dung, khắc họa nội tâm và hành động..., thì nhân vật VNT trong đoạn trích lại chủ yếu được khắc họa các lời thoại. Do đó tính cách của nhân vật được bộ lộ trực tiếp, rõ ràng nhất.

*** Khi phân tích nhân vật kịch, cần chú ý các bước:**

+ B1: Đọc kĩ lời thoại, phân tích tâm trạng nhân vật qua lời thoại.

+ B2: Đặt lời thoại của nhân vật trong ngữ cảnh giao tiếp, chỉ ra hành động bộc lộ qua lời thoại (Nhân vật đang nói với ai? Mục đích của lời thoại là gì?)

+ B3: Nhận xét đặc điểm, tính cách nhân vật qua lời thoại và hành động.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV đặt câu hỏi phát vấn: *Tìm các chi tiết miêu tả Cữu Trùng Đài trong đoạn trích. Hình tượng Cữu Trùng Đài được thể hiện bằng những phương tiện nào? Thông qua các phương tiện đó, em thấy được gì về ý nghĩa của hình tượng Cữu Trùng Đài?*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS suy nghĩ, làm việc cá nhân.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi đại diện HS trình bày, HS lắng nghe, nhận xét.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức.

Nhiệm vụ 5: Tìm hiểu thái độ của tác giả.**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV phát vấn: *Theo em, thái độ của tác giả qua văn bản được thể hiện qua những phương tiện nào?*

4. Hình Tượng Cữu Trùng Đài

Hình tượng Cữu Trùng Đài được hiện lên một cách gián tiếp thông qua lời thoại của các nhân vật. Từ điểm nhìn của mỗi nhân vật khác nhau lại mang một ý nghĩa riêng.

- Với VNT, Cữu Trùng Đài là lí tưởng sống và lí tưởng nghệ thuật mà cả đời ông theo đuổi. Nó là thứ quý hơn cả mạng sống của ông, thậm chí ông có thể sẵn sàng đổi cả bằng phẩm giá chính trực của mình, mượn quyền của Lê Tương Dực để xây dựng. Lúc nguy biến, VNT không hề quan tâm đến bản thân, chỉ một mực nghĩ đến sự tồn vong của Cữu Trùng Đài. Khi biết Cữu Trùng Đài bị đốt cháy, ảo mộng tan vỡ, VNT lựa chọn chấm dứt sự sống. Với VNT, Cữu Trùng Đài là cách để ông cống hiến cho đất nước. Có thể nói, ở góc nhìn này, Cữu Trùng Đài là biểu tượng của tài năng, cái đẹp và nghệ thuật, một thứ nghệ thuật thuần khiết, cao cả, mang giá trị vĩnh cửu, vượt lên trên cuộc đời phàm tục. Cữu Trùng Đài do đó cũng là biểu tượng cho giấc mơ lãng mạn mà con người muốn theo đuổi trong cuộc đời, bất chấp mọi cản trở và phức tạp của thực tại.

- Với Đan Thiềm, Cữu Trùng Đài là sự kết tinh của tài năng và khí phách của người nghệ sĩ. Hành động kiên quyết bảo vệ Cữu Trùng Đài. Bảo vệ VNT của Đan Thiềm thể hiện một thái độ trân trọng cái tài, cái đẹp và niềm tin vào giá trị vĩnh cửu của cái đẹp.

- Với những nhân vật khác, Cữu Trùng Đài là biểu tượng cho sự xa hoa, lãng phí, thậm chí cho tội ác của quyền lực, là nguyên nhân của mọi đau khổ, lầm than.

-> Từ những góc nhìn trên cho thấy, Cữu Trùng Đài là một hình tượng mang ý nghĩa đa nghĩa, qua đó cũng thể hiện cái nhìn đa chiều của Nguyễn Huy Tưởng về nghệ thuật, về tài năng, về cá nhân. Nguyễn Huy Tưởng một mặt trân trọng tài năng, phẩm giá của VNT, thương xót cho số phận đầy bi kịch của người nghệ sĩ, mặt khác cũng nhận ra sự phù phiếm của một thứ nghệ thuật thoát li cuộc sống.

5. Thái độ của tác giả .

Trong văn bản, thái độ của tác giả tuy không bộc lộ trực tiếp, nhưng thông qua cách xây dựng nhân vật, cốt truyện, ta có thể nhận ra được tư tưởng của Nguyễn Huy Tưởng.

GV gợi ý: Thái độ của tác giả được thể hiện thông qua cách xây dựng nhân vật, cốt truyện. <i>Qua những yếu tố ấy, em nhận ra được gì về tư tưởng của Nguyễn Huy Tưởng?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS bám sát văn bản, suy ngẫm và trả lời câu hỏi. Bước 3: Báo cáo, thảo luận HS đại diện trình bày, chia sẻ hiểu biết của bản thân, HS khác lắng nghe và nhận xét. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chốt kiến thức.	+ Thứ nhất, trong cách xây dựng hình tượng, ta có thể thấy tác giả đã tạo nên hình tượng nhân vật đa diện, đặc biệt là nhân vật VNT. - VNT được miêu tả là một kiến trúc sư tài ba, cương trực, có lí tưởng lớn, giàu lòng vị tha, không khuất phục trước cường quyền, nhưng lại ngay thơ, phù phiếm, xa rời thực tế, thậm chí mù quáng, vì hoài bão xây dựng Cửu Trùng Đài mà vô tình gây ra biết bao lầm than khổ cực cho nhân dân. - Quân khởi loạn tuy hung hăng, thô lỗ, không hiểu biết gì về nghệ thuật, thậm chí độc ác, mù quáng trút giận lên Vũ Như Tô và Cửu Trùng Đài nhưng sâu xa có nguyên nhân từ sự đau khổ và oán giận trước sự hung tàn của hôn quân. Các nhân vật đều không nguyên phiến, tính cách đầy mâu thuẫn, khó đánh giá tốt hay xấu. Điều đó cũng cho thấy được sự phân vân, hoài nghi và mâu thuẫn trong tư tưởng của chính tác giả: một mặt trân trọng, cảm thương cho người nghệ sĩ, mặt khác lại nhận ra sự phù phiếm của thứ nghệ thuật thuần túy. + Thứ hai, trong cách xây dựng cốt truyện, kết thúc của tác phẩm là Cửu Trùng Đài bị đốt cháy, VNT chủ động chọn cái chết. Cách kết thúc cho thấy như một kết quả tất yếu, nghệ thuật sẽ không thể tồn tại nếu không gắn liền với thực tế, vì con người. Tuy vậy ẩn sau hành động hiên ngang lựa chọn cái chết của VNT Tta cũng phần nào thấy được sự ngưỡng mộ của nhà văn với nhân vật, đó là thái độ đầy mâu thuẫn. + Mặt khác, thái độ “<i>biệt nhỡn liên tài</i>” của tác giả còn được bộc lộ kín đáo qua hình tượng nhân vật Đan Thiềm. Thông qua nhân vật này, tác giả muốn khẳng định thiên tài nghệ thuật và lí tưởng cao đẹp củ VNT, đồng thời bày tỏ niềm hi vọng vào một thứ nghệ thuật thanh cao có thể vượt lên thực tại tầm thường.
--	--

Nội dung 3: Tổng kết

a) **Mục đích:** HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

b) **Nội dung:** HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	III. TỔNG KẾT 1. Nội dung

- GV: HS khái quát giá trị nội dung và những đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích? Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	– Vở kịch phản ánh mâu thuẫn giữa khát vọng nghệ thuật thuần túy của Vũ Như Tô với lợi ích thiết thực của nhân dân – Qua việc xây dựng các tính cách bi kịch (Vũ Như Tô, Đan Thiềm), Tác giả muốn gửi đến người đọc, người xem những bài học, tư tưởng, quan niệm về mối quan hệ giữa nghệ thuật và <u>cuộc sống</u>: Nghệ thuật vì nhân sinh, nghệ thuật phản ánh <u>cuộc sống</u>, khát vọng của người nghệ sĩ phải phù hợp với nguyện vọng, quyền lợi và lợi ích của nhân dân. – Tác giả cũng bày tỏ sự cảm thông , trân trọng đối với những người nghệ sĩ có tài năng, hoài bão lớn nhưng lâm vào mâu thuẫn, bi kịch giữa lí tưởng và thực tế. 2. Nghệ thuật – Đoạn trích thể hiện rõ những đặc trưng cơ bản của thể loại bi kịch: tình huống kịch, xung đột, sự kiện, lời thoại... – Không khí, nhịp điệu của sự việc được diễn tả theo chiều tăng tiến, mức độ dồn dập đã thể hiện được tính chất gay gắt của mâu thuẫn và đẩy xung đột kịch lên cao trào. Nhà văn đã tạo nên không khí kịch thông qua lời thoại, tình huống đầy kịch tính
---	--

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Điền vào bảng sau để thấy được những phản ứng và thái độ của các nhân vật trước tình huống kịch. Qua đó, em thấy được gì về tính cách nhân vật, nhận xét.

Nhân vật	Lựa chọn/ hành động	Tính cách	Nhận xét

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Qua hệ thống nhân vật ở các lớp kịch, hãy xác định những xung đột cơ bản của đoạn trích? Từ những xung đột đó, em có nhận xét gì?

Xung đột chính	Lớp kịch	Nhân vật	Sự kiện	Nhận xét chung

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Sự kiện	Lời thoại của Vũ Như Tô	Nhận xét

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS thực hiện kết nối viết với đọc, viết được đoạn văn nghị luận xã hội (khoảng 150 chữ).

b. Nội dung thực hiện:

HS thực hiện kết nối với đọc theo đề bài: theo bạn, vấn đề xã hội nào được đề cập đến trong đoạn trích? Viết đoạn văn nghị luận xã hội(khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của em về vấn đề đó.

c. Sản phẩm: Bài viết của HS

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ HS thực hiện kết nối với đọc theo đề bài: theo bạn, vấn đề xã hội nào được đề cập đến trong đoạn trích? Viết đoạn văn nghị luận xã hội(khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của em về vấn đề đó. B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện viết B3. Báo cáo thảo luận GV gọi đại diện trình bày, HS khác nhận xét. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, chốt kiến thức.	Đoạn trích <i>Vĩnh Biệt Cửu Trùng Đài</i> và bi kịch Vũ Như Tô đã nhắc nhở mỗi chúng ta về ước mơ chân chính trong cuộc sống. Ước mơ là mong muốn được cống hiến sức lực của mình cho xã hội. Khi chúng ta đạt được ước mơ cũng chính là lúc chúng ta được mọi người công nhận năng lực. Khi mỗi người có ước mơ, họ sẽ trở nên tốt đẹp hơn và từ đó nâng tầm quan trọng của ước mơ trong cuộc sống mỗi con người. Việc xây dựng ước mơ không chỉ khiến cho bản thân tốt đẹp hơn mà còn đóng góp cho xã hội, cho đất nước phát triển. Tuy nhiên, trong xã hội vẫn còn nhiều người sống không có ước mơ, hoài bão, vô cảm. Phớt lờ cho cuộc đời. Lại có những người sống có ước mơ nhưng chẳng hề cố gắng... Những người ấy cần phải thức tỉnh và thay đổi bản thân để có được cuộc sống tốt đẹp hơn. Mọi ước mơ đều đẹp nhưng không phải ai cũng có thể biến ước mơ thành hiện thực. Nó đòi hỏi chúng ta phải có sự cố gắng và nỗ lực lớn. Vì thế nếu ai đang có ước mơ, hãy nuôi dưỡng để nó thành hiện thực.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ

a. Mục tiêu:

HS chia sẻ mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống.

b. Nội dung thực hiện:

HS chia sẻ: Từ thông điệp rút ra từ văn bản, em hãy chia sẻ về mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống. Người nghệ sĩ cần làm gì để cân bằng giữa hai yếu tố ấy để tránh xảy ra bi kịch giống như Vũ Như Tô? Vở kịch gợi cho em suy nghĩ gì về mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống, giữa lí tưởng và thực tế, giữa cá nhân và lịch sử?

c. Sản phẩm:

HS trình bày được quan điểm của cá nhân về vấn đề thảo luận

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV giao nhiệm vụ cho hs tranh biện	HS trình bày ý kiến của mình, trong đó có thể kể ra một số ý tưởng:

<i>Từ thông điệp rút ra từ văn bản, em hãy chia sẻ về mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống. Người nghệ sĩ cần làm gì để cân bằng giữa hai yếu tố ấy để tránh xảy ra bi kịch giống như Vũ Như Tô? Vở kịch gợi cho em suy nghĩ gì về mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống, giữa lí tưởng và thực tế, giữa cá nhân và lịch sử?</i> B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS chia sẻ, thể hiện được quan điểm của bản thân. B3. Báo cáo thảo luận B4. Đánh giá kết quả thực hiện:	- Cái đẹp trong đó đã bao hàm cái thiện: “Bản thân cái đẹp là đạo đức”(Có thể lấy minh chứng trong tác phẩm <i>Chiếc thuyền ngoài xa</i> của Nguyễn Minh Châu) - Nghệ thuật không thể tồn tại nếu xa rời hiện thực và đời sống. - Nghệ thuật sống trong lòng nhân dân và phát triển vì nhân dân (Minh chứng bằng quan điểm sáng tác của Nam Cao trong một số tác phẩm)
--	---

HOẠT ĐỘNG 5: Củng cố, DẶN DÒ

1. Củng cố

- Nắm chắc các đặc trưng cơ bản của thể loại bi kịch
- Hiểu và phân tích được những đặc trưng đó qua văn bản *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*

2. Dặn dò, giao bài tập về nhà

Vận dụng phân tích đặc trưng của thể loại bi kịch qua văn bản kịch *Hồn Trương Ba da hàng thịt* của tác giả Lưu Quang Vũ.

(HS có thể chọn một đoạn bất kì)

PHẦN 3. VIẾT

Tiết 47,48

VIẾT BÁO CÁO NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ TỰ NHIÊN, XÃ HỘI

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Học sinh biết cách lựa chọn đề tài, hướng tiếp cận đề tài.
- Học sinh hiểu được giá trị, tác dụng của các nguồn thông tin, các loại thông tin khác nhau để tìm kiếm, khai thác một cách hiệu quả.
- Học sinh đánh giá được tính khả tín của các thông tin.
- Học sinh xây dựng được đề cương nghiên cứu từ những thông tin mình đã thu thập.
- Học sinh viết và chỉnh sửa báo cáo nghiên cứu theo đúng quy cách.

2. Về năng lực:

Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ để tạo lập báo cáo nghiên cứu

3. Về phẩm chất:

Học sinh thể hiện được thái độ trung thực khi kể thừa kết quả nghiên cứu của người khác.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

2. Học liệu:

Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

Câu hỏi: Vở kịch *Vũ Như Tô* gợi cho em suy nghĩ gì về mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống, giữa lí tưởng và thực tế, giữa cá nhân và lịch sử?

Gợi ý:

- Nghệ thuật có mối quan hệ chặt chẽ với đời sống. Nghệ thuật nảy sinh từ đời sống và phục vụ đời sống.
- Con người nên sống có lí tưởng và theo đuổi lí tưởng của mình. Những lí tưởng cao đẹp đáng được trân trọng nhưng không thể bắt chấp tất cả để theo đuổi lí tưởng.
- Một cá nhân có thể không làm nên lịch sử nhưng sức mạnh của tập thể có thể thay đổi lịch sử.

3. Bài mới:**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. Nội dung:

- GV cho học sinh kể tên các vấn đề tự nhiên, xã hội.
- HS liệt kê, tổng hợp.

c. Sản phẩm: Kết quả tìm hiểu và câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi: Em hãy kể tên một số vấn đề tự nhiên, xã hội? B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ và trả lời B3. Báo cáo thảo luận: HS chia sẻ B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV dẫn dắt vào bài học	Gợi ý đáp án: Ảnh hưởng của hiện tượng thiên nhiên; một hiện tượng tâm lí; một sự kiện văn hóa-lịch sử; một vấn đề thời sự...

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**Nội dung 1: Tìm hiểu các yêu cầu của kiểu bài**

a. Mục tiêu: HS biết được những yêu cầu của kiểu bài viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội.

b. Nội dung:

- GV gọi 1 hs đọc to mục “Yêu cầu” trong SGK, tr.140
- HS đọc to. Gv gọi Hs khác chốt mỗi yêu cầu bằng một vài từ khóa.
- Hs ghi vào vở từ khóa vừa được thống nhất

c. Sản phẩm: Từ khóa liên quan đến yêu cầu của kiểu bài

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Gv: Em hãy đọc to mục Yêu cầu, sgk.tr142 B2. Thực hiện nhiệm vụ: Hs đọc to nội dung B3. Báo cáo thảo luận: Hs thống nhất từ khóa và ghi lại vào vở B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv chốt từ khóa	Yêu cầu của kiểu bài: - Nêu được đề tài - Xây dựng hệ thống luận điểm - Biết các thao tác; khai thác nguồn tin - Thái độ trung thực

Nội dung 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo**a. Mục tiêu:**

- Hs xác định được ý nghĩa đặt nhan đề cho bài báo cáo nghiên cứu.
- Hs xác định được hệ thống luận điểm, cứ liệu minh họa

- Hs chỉ ra tính chất ngôn ngữ khách quan, khoa học của bài nghiên cứu, xác định quan điểm, đánh giá riêng của tác giả.
- Hs khái quát được ý nghĩa của vấn đề báo cáo nghiên cứu.

b. Nội dung:

- Hs tìm hiểu bài viết tham khảo “*Rồng thành bậc điện Kính Thiên và kiểu thức phương Nam*”

-Hs định hướng cách viết báo cáo nghiên cứu

c. Sản phẩm: HS phân tích được bài viết tham khảo để hiểu rõ cách thức viết bài nghiên cứu

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs			Dự kiến sản phẩm									
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS đọc thật kĩ bài viết tham khảo và tự trả lời các câu hỏi cuối bài Nhóm 1 câu 1 Nhóm 2 câu 2 Nhóm 3 câu 3 Nhóm 4 câu 4 - HS hoàn thành nhiệm vụ vào <i>phiếu học tập số 1</i>			1. Đặt vấn đề - Đề tài nghiên cứu: Kiến trúc Rồng châu lan can trong kiến trúc Đại Việt - Người viết tiếp cận vấn đề từ góc độ công năng đến kiểu dáng 2. Giải quyết vấn đề * Hệ thống luận điểm: - Công năng của kiến trúc rồng thành bậc điện Kính Thiên - Nguồn gốc tên gọi - Hình dáng con rồng của kiến trúc rồng thành bậc điện Kính Thiên - Nguồn gốc và công dụng của long bệ thạch, ứng dụng của nó vào Việt Nam. * Các nguồn thông tin: - Quá trình quan sát, nghiên cứu thực tế - Tài liệu: <i>Sách Long Phụng đồ điển; Các nguồn sử liệu về quy mô và cấu trúc Hoàng thành Thăng Long thời Lý- Trần- Lê; Từ góc nhìn tứ linh khám phá tâm thức rồng của văn hóa người Việt và người Hán; Hoàng thành Thăng Long.</i> => Thông tin được sử dụng trong bài nghiên cứu khách quan, có độ tin cậy cao. * Tài liệu tham khảo - Tài liệu tham khảo gồm các thông tin: tác giả, tên tài liệu, xuất xứ, NXB. - Các tài liệu được sắp xếp theo thứ tự ABC của tên tài liệu. Bản thân mỗi tài liệu sẽ gồm các thông tin theo thứ tự tên tác giả, tên tài liệu, thể loại văn bản, NXB (có thể bao gồm trang, năm xuất bản) 3. Kết luận Khẳng định quan điểm của người viết: - Đồng tình với các nhà nghiên cứu khác khi cho rằng kiểu thức kiến trúc rồng thành bậc là kiểu thức phương Nam.									
<table><tr><th>Đặt vấn đề</th><th>Giải quyết vấn đề</th><th>Kết luận</th></tr><tr><td>- Đề tài:</td><td>- Hệ thống luận điểm:</td><td>- Đánh giá của người viết</td></tr><tr><td>- Góc độ tiếp cận:</td><td>- Nguồn thông tin</td><td></td></tr></table>			Đặt vấn đề	Giải quyết vấn đề	Kết luận	- Đề tài:	- Hệ thống luận điểm:	- Đánh giá của người viết	- Góc độ tiếp cận:	- Nguồn thông tin		
Đặt vấn đề	Giải quyết vấn đề	Kết luận										
- Đề tài:	- Hệ thống luận điểm:	- Đánh giá của người viết										
- Góc độ tiếp cận:	- Nguồn thông tin											
B2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh trả lời câu hỏi B3. Báo cáo thảo luận: B4. Đánh giá kết quả thực hiện:												

	- Ý kiến cá nhân của tác giả là ảnh hưởng rộng thành bậc đến từ nước In đô nê xi a
--	---

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (Thực hành viết)

1. Tìm hiểu quy trình báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội

a. Mục tiêu:

Học sinh nắm rõ quy trình viết, lập đề cương bài báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội.

b. Nội dung:

HS hoàn thành *Phiếu bài tập số 2* đã giao thực hiện ở nhà các cột (1) và (2). Lên lớp bắt cặp chia sẻ với bạn khác.

c. Sản phẩm:

Hs hoàn thiện Phiếu bài tập số 2

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs			Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ 1. Gv đã giao nhiệm vụ cho hs lập bảng tóm tắt ở nhà theo <i>Phiếu học tập số 2</i> . Học sinh bắt cặp chia sẻ với bạn.			1. Tìm hiểu quy trình viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội Quy trình viết gồm 4 giai đoạn:
Quy trình	Thao tác	Điều lưu ý	- Chuẩn bị viết + Lựa chọn đề tài + Thu thập, phân tích và đánh giá thông tin
Chuẩn bị viết			- Xây dựng đề cương + Đặt vấn đề + Giải quyết vấn đề + Kết luận + Tài liệu tham khảo
Xây dựng đề cương			- Viết + Tuân thủ các quy định về hình thức trình bày. + Các thao tác cơ bản của việc nghiên cứu; lưu ý các trích dẫn, cước chú, tài liệu tham khảo
Viết			- Chỉnh sửa, hoàn thiện
Chỉnh sửa, hoàn thiện			
Gv gọi đại diện 1 hs trình bày phần tóm tắt và lấy ý kiến đánh giá, bổ sung.			
B2. Thực hiện nhiệm vụ HS làm việc theo cặp vào phiếu học tập số 2			
B3. Báo cáo, thảo luận Đại diện HS trình bày phần bài làm của nhóm mình. Nhóm khác phản biện, bổ sung			
B4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo.			

2. Thực hành viết

a. Mục tiêu:

Học sinh thực hành viết

b. Nội dung:

HS làm việc nhóm, 2 nhóm chung một vấn đề; mỗi nhóm thiết lập đề cương bài viết báo cáo nghiên cứu. Sau đó một nhóm trình bày và nhóm còn lại phản biện, bổ sung.

Nhóm 1, 3: Vấn đề ô nhiễm môi trường nước và việc hạn chế ô nhiễm môi trường nước

Nhóm 2, 4: Kinh thành Thăng Long thời Hậu Lê

c. Sản phẩm:

Hs hoàn thiện nội dung học tập

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuẩn bị viết:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Hs xác định đề tài, thu thập và xử lý thông tin. B2. Thực hiện nhiệm vụ: - Hs tiến hành nhiệm vụ ở nhà với nhiệm vụ đã được giáo viên thông báo từ trước tiết học. - Hs đại diện nhóm trình bày B3. Báo cáo thảo luận: Nhóm còn lại bổ sung, phản biện B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv nhận xét	- Vấn đề ô nhiễm môi trường nước và việc hạn chế ô nhiễm môi trường nước - Kinh thành Thăng Long thời Hậu Lê

*** Xây dựng đề cương:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Các nhóm lập đề cương cho nội dung của nhóm mình - Tài liệu tham khảo: có thể sử dụng trên các tạp chí nhưng phải ghi rõ nguồn B2. Thực hiện nhiệm vụ: Hs thực hiện nhiệm vụ B3. Báo cáo thảo luận: Đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình. Các nhóm bổ sung, phản biện B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv chuẩn kiến thức	Đề tài: Vấn đề ô nhiễm môi trường nước và việc hạn chế ô nhiễm môi trường nước - Đặt vấn đề : Ô nhiễm môi trường nước và việc hạn chế ô nhiễm môi trường nước ở Việt nam hiện nay. - Giải quyết vấn đề : + Thực trạng vấn đề ô nhiễm môi trường nước và việc hạn chế ô nhiễm môi trường nước hiện nay ở nước ta. + Kinh nghiệm quốc tế của các quốc gia lân cận. - Kết luận về những bài học đặt ra. - Tài liệu tham khảo Đề tài: Kinh thành Thăng Long thời Hậu Lê - Đặt vấn đề : Kinh thành Thăng Long thời Hậu Lê - Giải quyết vấn đề : + Địa lí: vị trí địa hình, khí hậu và dân cư + Văn hóa: các phong tục, lễ nghi, tín ngưỡng.. + Lịch sử: các sự kiện lịch sử quan trọng diễn ra ở kinh thành Thăng Long thời Hậu Lê + Nghệ thuật: các thành tựu nghệ thuật quan trọng - Kết luận: về vai trò của Kinh thành Thăng Long thời kì Hậu Lê trong tiến trình lịch sử. - Tài liệu tham khảo

*** Viết, chỉnh sửa, hoàn thiện**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Hs làm việc cá nhân	

Hs viết theo nội dung đề cương mà nhóm đã thảo luận và chỉnh sửa hoàn thiện

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

Hs thực hành viết và chỉnh sửa bài viết của mình

B3. Báo cáo thảo luận:

Hs chấm chéo bài của nhau theo phiếu đánh giá số 1

Tiêu chí	Cần cố gắng (0- 4 điểm)	Tốt (5 – 7 điểm)	Rất tốt (8- 10 điểm)
Hình thức	1 điểm Trình bày câu thả; sai dạng bài sai chính tả.	2 điểm Trình bày cẩn thận; đảm bảo yêu cầu của kiểu bài, không sai chính tả .	3 điểm Trình bày cẩn thận; đảm bảo yêu cầu; không sai chính tả;
Nội dung	1- 4 điểm Nội dung sơ sài, mới dừng lại ở mức độ nhận diện	5- 6 điểm Nội dung đúng, đủ Có những đánh giá của bản thân	7 điểm nội dung đúng, đầy đủ; có sáng tạo; có đánh giá của bản thân.
Điểm			
Tổng			

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

Gv nhận xét về quá trình thực hiện của học sinh

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (Trả bài)

a. Mục tiêu: Hs phân tích được những ưu điểm và nhược điểm trong bài thực hành viết của bản thân.

b. Nội dung: Đọc to và phân tích điểm đạt và chưa đạt của 1 hoặc 2 bài viết

c. Sản phẩm: Hs phân tích và rút ra kinh nghiệm cho bản thân với dạng bài viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Nhắc lại yêu cầu của kiểu bài - Gv nhận xét chung về bài làm của hs: ưu điểm, khuyết điểm - Phân tích 1, 2 bài làm của hs để rút kinh nghiệm chung. B2. Thực hiện nhiệm vụ: - Hs đọc bài của mình - Những hs khác đối chiếu với phiếu đánh giá để nhận xét B3. Báo cáo thảo luận:	1. Nhắc lại yêu cầu của kiểu bài - Nêu được đề tài - Xây dựng hệ thống luận điểm - Biết vận dụng các thao tác - Khai thác nguồn tin - Thái độ trung thực 2. Nhận xét chung * Ưu điểm: – Một số bài viết đảm bảo đúng quy trình của kiểu bài viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội. - Bộc lộ được quan điểm cá nhân về vấn đề. Lập luận thuyết phục. - Nguồn tài liệu tham khảo có tính minh xác – Nhiều bài trình bày cẩn thận, chữ viết sạch đẹp. * Khuyết điểm: – Một số bài viết rất chung chung, mang tính một bài nghị luận xã hội chứ chưa phải bài báo cáo nghiên cứu.

Hs nhận xét bài làm của bạn sau quá trình lắng nghe và đối chiếu B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv nhận xét chung	- Tham khảo tài liệu nhưng không công khai tài liệu tham khảo. – Nhiều bài trình bày câu thả, chữ viết không cẩn thận, sai nhiều lỗi viết câu dùng từ 3. Đọc và phân tích bài viết ở mức độ khác nhau theo thang đánh giá - Hs phân tích, đánh giá - Rút ra những bài học về quy trình viết, lập luận, tài liệu tham khảo, những đánh giá cá nhân.
---	---

4. Củng cố:

Hs khái quát lại những điểm lưu ý của kiểu bài viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên và xã hội để phân biệt với kiểu bài nghị luận về một vấn đề xã hội trên các phương diện: đánh giá cá nhân; thu thập, phân tích, xử lý thông tin; hình ảnh minh họa

5. HDVN:

- Hs ôn tập lại kiến thức đã học
- Chuẩn bị bài Nói và nghe

Phụ lục

Bài làm tham khảo

Ô nhiễm môi trường nước và việc hạn chế ô nhiễm môi trường nước ở Việt nam hiện nay.

Ô nhiễm nước và kiểm soát ô nhiễm nước là lĩnh vực hết sức phức tạp. Bất kỳ nội dung nào trong lĩnh vực này cũng liên quan mật thiết tới kinh tế, xã hội và luật pháp. Nội dung kiểm soát ô nhiễm nước bao trùm các khía cạnh sinh thái, bảo tồn, tính chất lý hóa của nước, các vấn đề công nghệ, tiêu chuẩn, các vấn đề về quản lý lưu vực, quản lý nguồn nước.

Chính vì độ phức tạp như vậy mà ô nhiễm nước vẫn tồn tại dai dẳng, gây nhiều thiệt hại về kinh tế, xã hội và sức khỏe con người. Hệ sinh thái nước mặt cũng bị tổn hại nghiêm trọng.

Từ thực tiễn ô nhiễm nước trong thời gian qua, báo cáo đã phân tích những bất cập thách thức trong kiểm soát ô nhiễm theo hệ thống luật pháp hiện nay. Một trong những thách thức lớn nhất là kiểm soát ô nhiễm nước chưa được chú ý đúng tầm quan trọng và cần thiết trong sự nghiệp phát triển kinh tế mà chỉ được đưa vào như một phần nhỏ tích hợp trong công tác bảo vệ môi trường. Vì vậy công tác kiểm soát các hành vi xả thải, các nguồn ô nhiễm còn mang tính gián tiếp, hình thức. Các công cụ thực thi kiểm soát ô nhiễm nước bị tản mạn nằm trong nhiều luật và có quan hệ chéo phức tạp trong hệ thống quản lý hành chính, dẫn đến tính thực thi chưa có hiệu quả cao.

Việc thực thi các hoạt động kiểm soát ô nhiễm nước trong hệ thống luật hiện nay cũng đối mặt với các thách thức như nền tảng công nghệ xử lý nước thải còn yếu và thiếu, các nguồn nước thải bị quản lý bởi nhiều bên khác nhau.

Do hệ thống pháp luật và các công cụ liên quan đến kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm nước được xây dựng chủ yếu từ góc nhìn của bên quản lý, chưa cân nhắc tới góc độ của bên bị điều chỉnh là các doanh nghiệp và chưa cân nhắc từ góc độ của đối tượng được bảo vệ là nguồn nước mặt và cá và các loại thủy sinh sống trong môi trường nước, nên cách tiếp cận quản lý lưu vực, tiếp cận hệ sinh thái, tiếp cận quản lý theo kết quả còn chưa được đưa vào áp dụng.

Điều này đã dẫn đến những bất cập và phân tán trong quản lý, không phù hợp với tính thống nhất và kết nối của hệ thống nước mặt, nên hiệu quả kiểm soát bị hạn chế.

Báo cáo cũng phân tích kinh nghiệm quốc tế, cụ thể kinh nghiệm kiểm soát ô nhiễm nước của các nước Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Malaysia, Thái Lan để tham khảo.

Các nước này đều trải qua thời kỳ công nghiệp hóa đô thị hóa mạnh mẽ, đã gặp phải nhiều sự cố về ô nhiễm nước hết sức nặng nề. Họ cũng phải trải qua một chặng đường dài trong công

tác kiểm soát ô nhiễm nước và khôi phục chất lượng nước mặt và đạt được các kết quả tương đối tốt.

Các nước này đều có Luật hoặc hệ thống luật chuyên biệt kiểm soát ô nhiễm nước và đều đưa khoa học công nghệ xử lý nước thải làm điểm tựa cho các công cụ kiểm soát, coi việc bảo tồn hệ sinh thái cho cá và các thủy sinh trong nước, đảm bảo an toàn cho sinh kế con người là mục tiêu cao nhất.

Trung Quốc đã đầu tư vào chương trình khoa học công nghệ xử lý ô nhiễm nước như một chương trình trọng yếu và cải thiện Luật Kiểm soát ô nhiễm nước để giải quyết vấn đề ô nhiễm nước. Chính phủ Hàn Quốc đầu tư mua các vùng đất ven sông để trồng rừng và bảo vệ sông. Họ cũng xây dựng các tiêu chuẩn quy chuẩn về sinh thái cho việc kiểm soát ô nhiễm nước. Malaysia áp dụng luôn một số điều luật trong Luật Kiểm soát ô nhiễm nước của Hoa Kỳ áp dụng ở Malaysia. Thái Lan đưa ưu tiên xử lý nước thải đô thị và công nghiệp tập trung, có các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ trong việc xử lý nước thải.

Với nhận thức ô nhiễm nước ở nước ta đã trở nên rất cấp bách và đòi hỏi có chiến lược tổng thể để cải thiện tình hình, báo cáo đã kiến nghị với Bộ Tài nguyên và Môi trường đề xuất đưa công tác xây dựng Luật Kiểm soát ô nhiễm nước vào chương trình xây dựng luật của quốc hội khóa 14, nghiên cứu và xây dựng Luật ngay từ năm 2018 và nghiên cứu xây dựng các chính sách cũng như cải thiện các công cụ về kiểm soát ô nhiễm nước nhằm từng bước đẩy lùi ô nhiễm nước và khôi phục nguồn nước sạch Việt Nam.

Tài liệu tham khảo: (chưa rõ nguồn)

Kinh thành Thăng Long

Kiến trúc kinh thành, cố đô phong kiến ở Việt Nam luôn mang theo cái gì đó rất chung và rất riêng với văn hóa kiến trúc của Trung Hoa và nó luôn thể hiện nét đẹp truyền thống, văn hóa lịch sử lâu đời của người Việt. Bên cạnh quần thể kiến trúc Cố đô Huế từ xưa, người Việt vẫn luôn tự hào với kiến trúc thành Thăng Long – tòa thành đã trải qua biết bao năm tháng của lịch sử.

Như chúng ta đã biết, kinh thành Thăng Long luôn được gắn với một sự kiện lịch sử nổi tiếng đó là vào năm 1010, vua Lý Thái Tổ đã dời đô từ Hoa Lư đến Đại La và cho xây dựng kinh thành Thăng Long. Cùng với đó là hàng loạt các cung điện, lăng tẩm được xây dựng, nổi bật là công trình Điện Kính Thiên cao tới 2 tầng rộng hơn 2300 mét vuông. Thời Hậu Lê, thành Thăng Long vẫn được coi là kinh đô, trung tâm kinh tế, chính trị của cả nước. Về vị trí, kinh thành Thăng Long tọa lạc ở phía Bắc Việt Nam và được giảm dần về diện tích qua các triều đại. Ở thời Hậu Lê, hầu như không xây dựng thêm các chùa tháp mà chủ yếu là trùng tu. Thay vào đó, hàng loạt phủ đệ mới của giới quý tộc, quan lại trung ương được xây dựng, tạo ra hình ảnh một kinh thành Thăng Long đầy quyền uy, thâm nghiêm.

Về kiến trúc, trải qua thời gian và những biến cố của lịch sử, thành Thăng Long đã có nhiều thay đổi, biến dạng, nhưng đến nay vẫn còn thấy được cả di tích trên mặt đất, dưới lòng đất, di tích lịch sử cách mạng, di tích khảo cổ, di tích kiến trúc nghệ thuật,... tạo thành hệ thống các di tích được đánh giá là quan trọng bậc nhất trong hệ thống các di tích đô thị cổ, trung, cận, hiện đại của nước ta. Hiện tại, trong khu vực trung tâm Thành cổ Thăng Long - Hà Nội còn lại 5 điểm di tích nổi trên mặt đất phân bố theo trục Bắc – Nam, còn gọi là “Trục chính tâm”, “Trục ngự đạo”, gồm có: Kỳ Đài, Đoan Môn, nền điện Kính Thiên, Hậu Lâu, Bắc Môn, tường bao và kiến trúc cổng hành cung thời Nguyễn, di tích nhà và hầm D67, các công trình kiến trúc Pháp...

Kinh thành Thăng Long từ thời Lý được xây dựng theo cấu trúc ba vòng thành, gọi là “tam trùng thành quách”: vòng thành ngoài là La thành hay Đại La thành, vòng thành giữa là Hoàng thành (thời Lý - Trần - Lê gọi là Thăng Long thành, thời Lê còn gọi là Hoàng thành) và vòng thành trong cùng gọi là Cẩm thành (hay Cung thành). Cẩm thành từ thế kỷ 11 đến

thế kỷ 18 hầu như không thay đổi và còn bảo tồn cho đến nay hai vật chuẩn rất quan trọng: Thứ nhất là nền điện Kính Thiên xây dựng thời Lê sơ (1428) trên nền điện Càn Nguyên (sau đổi tên là điện Thiên An) thời Lý, Trần. Đó vốn là vị trí của núi Nùng (Long Đỗ - Rón Rông), được coi là tâm điểm của Cẩm thành và Hoàng thành, nơi chung đúc khí thiêng của non sông đất nước theo quan niệm phong thủy cổ truyền, mà di tích hiện còn là nền điện với bậc thềm và lan can đá chạm rồng thế kỷ 15. Thứ hai là cửa Đoan Môn, cửa Nam của Cẩm thành thời Lý - Trần - Lê. Trên vị trí này hiện nay vẫn còn di tích cửa Đoan Môn thời Lê.

Phương Đình Nguyễn Văn Siêu (1799-1872), trong sách Đại Việt địa dư chí toàn biên có đoạn mô tả khá rõ ràng về Hoàng thành Thăng Long thời Lê: “Ở giữa là Cung thành, trong cửa Cung thành là Đoan Môn. Trong Đoan Môn là điện Thị Triều, trong điện Thị Triều là điện Kính Thiên. Bên hữu Kính Thiên là điện Chí Kính, bên tả là điện Vạn Thọ. Bên hữu Đoan Môn là Tây Trường An, bên tả là Đông Trường An, ở giữa có Ngọc Giản. Trong Hoàng thành và ngoài Cung thành ở phía Đông là Thái Miếu, sau là Đông Cung”.

Để giúp thế hệ sau và bạn bè quốc tế hiểu thêm về lịch sử Việt Nam cùng Hoàng thành Thăng Long, đêm tour “Giải mã Hoàng thành Thăng Long” đã được tổ chức thành công. Đây không chỉ là một sự kiện quảng bá văn hóa, du lịch mà nó còn là cách để thế hệ sau tôn vinh, tự hào về lịch sử, văn hóa của dân tộc mình.

Trải qua thăng trầm của lịch sử, chiến tranh, thuộc địa... Kinh thành Thăng Long vẫn nằm đó như một minh chứng trường tồn của lịch sử, về một thời huy hoàng đã qua đi của dân tộc. Chúng ta – thế hệ con cháu phải biết bảo tồn, gìn giữ và phát huy vẻ đẹp của Hoàng thành đến thế hệ tương lai và bạn bè quốc tế.

PHẦN 4: NÓI VÀ NGHE

Tiết 49,50

TRÌNH BÀY BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐÁNG QUAN TÂM ((Kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ))

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- HS giới thiệu được vấn đề nghiên cứu, lí do chọn vấn đề

2. Về năng lực:

- HS trình bày khái quát những kết quả nghiên cứu chính

- HS sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ để nội dung trình bày được rõ ràng hấp dẫn

3. Về phẩm chất:

- HS tôn trọng, hợp tác với người nói

- HS tự tin bản lĩnh khi trình bày

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

- Máy tính, bảng phụ, máy chiếu

2. Học liệu

- SGK, SGV, phiếu học tập

- Bộ học liệu điện tử hỗ trợ giáo viên

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng HS thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV đặt những câu hỏi gợi mở vấn đề cho HS chia sẻ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ -GV đưa ra nhiệm vụ, yêu cầu HS làm việc theo cặp đôi + Chúng ta thường trình bày báo cáo trong những hoàn cảnh nào? + Khi phát biểu trước nhiều người, bạn cảm thấy như thế nào? + Theo bạn, như thế nào là một bài thuyết trình tốt? B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận theo cặp và thực hiện nhiệm vụ B3. Báo cáo thảo luận: 2-3 nhóm HS báo cáo kết quả B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - Nhóm HS khác nhận xét, bổ sung - GV nhận xét, dẫn dắt vào bài.	-Trình bày báo cáo được sử dụng trong nhiều hoàn cảnh khác nhau: trong hội thảo, hội nghị, trong các cuộc họp nhóm, các hoạt động tập thể... - Bài thuyết trình tốt cần đảm bảo: nội dung lôi cuốn, hấp dẫn, chính xác, đầy đủ; hình thức trình bày hấp dẫn, linh hoạt

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (Chuẩn bị nói)

a. Mục tiêu:

- HS nắm được cách tham gia vào một cuộc hội thảo nghiên cứu về một vấn đề đáng quan tâm.

- HS khái quát được quy trình thuyết trình giới thiệu, trình bày kết quả nghiên cứu, đánh giá về một vấn đề đáng quan tâm.

- HS có thái độ tích cực, chủ động thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS có năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề

b. Nội dung: GV yêu cầu gợi mở HS hoàn thành sơ đồ

c. Sản phẩm: Sơ đồ của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành 06 nhóm, nêu yêu cầu: - GV yêu cầu HS đọc SGK và nêu yêu cầu về nói về Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề đáng quan tâm. - GV dành khoảng 5 phút cho HS tự soát lại nội dung bài nói đã chuẩn bị ở nhà (dựa trên hướng dẫn của SHS và những nhiệm vụ được GV giao thực hiện trước đó). -GV yêu cầu HS hoàn thành sơ đồ theo Phiếu học tập 01 B2. Thực hiện nhiệm vụ	1. Yêu cầu -Giới thiệu được vấn đề nghiên cứu, lí do chọn vấn đề -Trình bày khái quát những kết quả nghiên cứu chính về vấn đề - Sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ để nội dung trình bày được rõ ràng và hấp dẫn. 2. Chuẩn bị bài nói - HS xây dựng được một bài thuyết trình dựa trên bài hay công trình nghiên cứu đã có. - Xác định: + Đề tài + Đối tượng nghe + Không gian, thời gian +Mục đích giao tiếp - Tìm ý: thu thập và sắp xếp thông tin cho bài trình bày.

HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm B3. Báo cáo thảo luận Đại diện 01 nhóm trình bày B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - Nhóm khác nhận xét, bổ sung - GV nhận xét, kết luận thông qua việc quan sát thái độ theo dõi hoạt động làm mẫu và kết quả ghi chép của đại diện 1 số HS, sau đó GV trả lời, giải đáp thắc mắc của HS (nếu có)	- Lập dàn ý: Tóm tắt báo cáo kết quả nghiên cứu đã viết (khoảng 1-1,5 trang giấy). + Lí do nghiên cứu + Câu hỏi nghiên cứu + Phương pháp nghiên cứu + Kết quả nghiên cứu + Kết luận - Gạch chân những luận điểm hoặc thông tin chính của bài viết. - Xác định đúng từ ngữ then chốt gắn với từng luận điểm, đảm bảo cho bài nói có trọng tâm, không sa vào lối kể chuyện, bình tán. - Xác định các hình thức, phương tiện trình bày: Chuẩn bị powerpoint (nếu có), các phương tiện hỗ trợ (bảng biểu, hình ảnh, sơ đồ) - Luyện tập nói 3. Chuẩn bị nghe - Tìm hiểu trước về vấn đề nghiên cứu, bài thuyết trình. (Có thể dựa theo bảng gợi ý hoặc sử dụng bảng K – W – L) - Có hướng triển khai riêng của bản thân. - Tự đặt ra câu hỏi về nội dung vừa đọc.
---	---

PHIẾU HỌC TẬP 01

Sơ đồ về yêu cầu của kiểu bài:



HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE)

a. Mục tiêu:

HS nắm được cách xây dựng bài nói đạt yêu cầu.

HS nắm được các kĩ năng khi trình bày bài nói.

HS nắm được kĩ năng tham gia thảo luận, góp ý và xây dựng những kinh nghiệm cho bản thân

b. Nội dung: HS thảo luận, trình bày theo nhóm theo gợi mở của GV

c. Sản phẩm: Bài nói của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động GV và HS	Dự kiến sản phẩm
--------------------	------------------

Hoạt động 3.1. Thực hành nói - nghe B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV đưa ra hướng dẫn trước khi HS trình bày bài nói, cho HS thực hành đối vai nói – nghe cho nhau, trong 1 tiết đảm bảo tối thiểu 3 bạn được thuyết trình. - GV lưu ý HS một số vấn đề: + Giới thiệu ngắn gọn về vấn đề định nói + Trình các thông tin trong bài viết theo hình thức tóm lược kết hợp nhịp nhàng với việc trình chiếu hay minh họa trực quan..... + Sử dụng hợp lí các từ ngữ then chốt như đã gợi ý trong SGK. + Sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ nếu cần thiết. - GV yêu cầu HS trình bày và lắng nghe đọc kĩ yêu cầu với người nói và người nghe để hoàn thành nhiệm vụ. - HS lựa chọn bài nói có thể tận dụng từ bài viết của tiết Viết. B2. Thực hiện nhiệm vụ: - HS thực hiện nhiệm vụ B3. Báo cáo thảo luận - HS báo cáo kết quả B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - HS khác nhận xét, bổ sung - GV nhận xét, kết luận	Người nói - Mở đầu: + Nêu tên và lí do chọn vấn đề nghiên cứu + Trình bày ngắn gọn về quá trình thực hiện. - Triển khai: + Trình bày từ khái quát đến cụ thể + Kết hợp với các phương tiện phi ngôn ngữ + Tương tác với người nghe. + Có thể tổ chức lại nội dung từng luận điểm theo hình thức câu hỏi – lời đáp. - Kết luận: + Khái quát lại những kết quả nghiên cứu chính + Cảm ơn người nghe và tỏ thái độ sẵn sàng tiếp nhận những ý kiến trao đổi, đối thoại. - Khi thuyết trình cần đảm bảo: + Nêu rõ vấn đề nghiên cứu + Các luận điểm + Bằng chứng, lí lẽ + Những phát hiện mới về vấn đề + Sử dụng phương tiện hỗ trợ: sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh, giấy ghi chú,... - Tự đánh giá bài nói của mình dựa vào bảng kiểm để rút kinh nghiệm.	Người nghe - Thái độ lắng nghe tích cực. - Nắm bắt mục đích nghiên cứu. - Nhận biết cấu trúc của bài thuyết trình. - Chú ý lắng nghe, ghi lại từ khoá. - Theo dõi và đánh giá tác dụng tích cực của những phương tiện hỗ trợ. - Phát hiện những điểm mâu thuẫn, chưa thỏa đáng. (Có thể sử dụng bảng mẫu để ghi chép nhanh nội dung thuyết trình) - Tự đánh giá kĩ năng nghe và nắm bắt thông tin của mình dựa vào bảng kiểm để rút kinh nghiệm.
Hoạt động 3.2. Trao đổi đánh giá B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS nhận xét, góp ý về bài trình bày, báo cáo. -GV nêu yêu cầu: Qua phần trình bày vừa rồi, em rút ra được những kinh nghiệm gì trên các		

phương diện: chuẩn bị nói; giới thiệu và trình bày vấn đề; sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ B2. Thực hiện nhiệm vụ: - HS làm việc cá nhân B3. Báo cáo thảo luận -1-2 HS trình bày B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - HS khác nhận xét, bổ sung - GV nhận xét, kết luận	
--	--

PHIẾU HỌC TẬP 02

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ BÀI TRÌNH BÀY

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Nêu được các vấn đề nghiên cứu, lí do chọn đề tài, những kết luận, phát hiện chính		
2	Trình bày một cách rõ ràng, mạch lạc những luận điểm chính, các thông tin chi tiết để làm sáng tỏ luận điểm		
3	Lựa chọn các hình ảnh, sơ đồ, biểu đồ... phù hợp để trực quan hóa, cụ thể hóa thông tin		
4	Sử dụng ngôn ngữ cơ thể và ngữ điệu một cách hiệu quả		
5	Lắng nghe và phản hồi tích cực với những câu hỏi, phản biện của người nghe		

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng những kiến thức trong bài học vào thực tế đời sống.

b. Nội dung: HS thực hiện thu thập, phân tích, đánh giá thông tin về một vấn đề lựa chọn

c. Sản phẩm: Bài nghiên cứu của HS

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS lựa chọn một trong các vấn đề sau để thu thập, phân tích, đánh giá các thông tin:

-Nghệ thuật thời Phục hưng

-Kiến trúc thành Thăng Long

-Lịch sử Việt Nam thế kỉ XVI-XVII

B2. Thực hiện nhiệm vụ

HS trao đổi và thảo luận

B3. Báo cáo thảo luận:

01-02 học sinh chia sẻ kết quả lựa chọn của mình

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo

4. củng cố: HS hoàn thành các câu hỏi 1,2,3 SGK/T151 vào vở

5. HDVN:

Tiết 51- Ôn tập kiểm tra cuối kì 1

Tiết 52,53- Kiểm tra cuối kì 1

Tiết 54- Trả bài kiểm tra cuối kì 1